

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-3-2019  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Kim Châu Hồ;
2. Bà Phạm Tú Nhi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1990; thường trú: Xóm B, xã Đ Th, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số 31/9 khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Hoàng Đình D, sinh năm 1986; thường trú: Xóm B, xã Đ Th, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số 10/16 khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Hoàng Đình D sau khi tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ Th, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 03/2009 cấp ngày 23/9/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại số 10/16 khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu chị Đ và anh D sống rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2011, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh D sống gia trưởng, áp đặt ý kiến và anh D đi chấp hành án tại Trại giam X L

- Bộ Công an từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị Trần Thị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Đình D.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Đ và anh D có 02 con chung tên Hoàng Thị Tường V, sinh ngày 01/8/2010 và Hoàng Đình M, sinh ngày 06/9/2012. Sau khi ly hôn, chị Đ yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị Trần Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2019, bị đơn anh Hoàng Đình D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Đ có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ Th, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyền số 03/2009 cấp ngày 23/9/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại số 10/16 khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu anh D và chị Đ sống rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2014, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh D thì anh D đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống anh D và chị Đ có 02 con chung tên Hoàng Thị Tường V, sinh ngày 01/8/2010 và Hoàng Đình M, sinh ngày 06/9/2012. Sau khi ly hôn, anh D đồng ý giao 02 con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và anh D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Hoàng Đình D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Anh Hoàng Đình D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Chị Trần Thị Đ và anh Hoàng Đình D tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Thị Tường V, sinh ngày 01/8/2010 và Hoàng Đình M, sinh ngày 06/9/2012. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Đ và anh D đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, hơn nữa anh D cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Đ nên yêu cầu ly hôn của chị Đ là có cơ sở. Và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của 02 con chung cần giao 02 con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn và ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Đ, bị đơn anh Hoàng Đình D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Hoàng Đình D là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ Th, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyền số 03/2009 cấp ngày 23/9/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Đ và anh D đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, anh D cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ, vì vậy có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị Đ và anh D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Đ và Hoàng Đình D có 02 con chung tên Hoàng Thị Tường V, sinh ngày 01/8/2010 và Hoàng Đình M, sinh ngày 06/9/2012. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị Đ yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét hiện nay cháu V và M còn nhỏ, chị Đ đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2014 cho đến nay, chị Đ cũng có công việc và thu nhập ổn định, đồng thời trong quá trình tố tụng anh D cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị Đ nuôi dưỡng, hiện anh D đang chấp hành án phạt tù tại trại giam X L – Bộ Công an nên không có điều kiện chăm sóc, giáo dục các con. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung và quyền lợi của người phụ nữ sau khi ly hôn cần giao cháu Hoàng Thị Tường V và Hoàng Đình M cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Đ không yêu cầu anh Hoàng Đình D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung, nợ chung: Chị Trần Thị Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ đối với anh Hoàng Đình D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Hoàng Đình D (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyền số 03/2009 do Ủy ban nhân dân xã Đ Th, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/9/2009).

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Tường V, sinh ngày 01/8/2010 và Hoàng Đình M, sinh ngày 06/9/2012 cho chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Đ không yêu cầu anh Hoàng Đình D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Đ và anh D đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027974 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã Đông Thanh,  
huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Ngọc Công**